

Phụ lục VI
DANH MỤC CÁC KHU VỰC QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN NĂM 2020 PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH 152/2008/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/QĐ-TTg
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. DANH MỤC CÁC KHU VỰC QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHUNG CẢ NƯỚC.

TT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	VỊ TRÍ ĐỊA LÝ	TỌA ĐỘ	TÀI NGUYÊN MỎ (triệu tấn)	QUY HOẠCH THĂM DÒ		QUY HOẠCH KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG		Đơn vị, thăm dò, khai thác	Ghi chú
					2011-2015	2016-2020	2011-2015	2016-2020		
I	CAO LANH									
1	EakNop	TT EakNop- H. EaKar	-	C ₁ +C ₂ : 3	5 ha	10 ha	5 ha (5000t/n)	10 ha (5000 t/n)		Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
II	FELSPAT									
1	EaKBo	Xã EaKop – H. EaKar	Kinh độ: 108°31'28'' Vĩ độ: 12°48'40''	C ₂ : 2,1	2,1					Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
2	EaKnop	Xã EaKnop – H. EaKar	Kinh độ: 108°31'33'' - 108°32'53'' ; Vĩ độ: 12°40' - 12°49'33''	0,46; tr. đó: C ₂ : 0,16; P: 0,3	0,46					Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
3	Thôn 9, EaSah và Ea Sô	H.EaKar	X: 1.419.750; Y: 232.250 X: 1.419.290; Y: 232.750 X: 1.418.850; Y: 232.760	Chưa xác định	64,33 ha	50 ha	64,33 ha (đến 150 nghìn tấn/n)	50 (đến 50 nghìn tấn/n)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
4	EaSah và Ea Sô	huyện Ea Kar	X: 141.9674; Y: 229.836 X: 1426035; Y: 234.995	Chưa xác định	31,85 ha + 18,12 ha		31,85 ha + 18,12 ha (50 nghìn tấn/năm)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
5	Thôn 9	xã Ea Sar huyện Ea Kar	X: 1421675; Y: 230.300 X: 1419.750; Y: 232.250 X: 1419.300; Y: 231.800 X: 1420.000; Y: 230.900 X: 1421.475; Y: 230.000	Cấp 122: 1.157 nghìn tấn Cấp 333: là 2.83 nghìn	đã thăm dò		(đến 50 nghìn tấn/năm)		Gp thăm dò số 2925/GP-ĐCKS ngày 11/12/2001	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
6	EaKBo	Xã EaKnop- H. EaKar		C ₂ : 2,1 triệu tấn		1,0		1,0 (đến 50 nghìn tấn/năm)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày

										09/01/2012
7	EaKnop	Xã EaKnop- H. EaKar		C ₂ : 0,16 triệu tấn; P: 0,3 triệu tấn		0,16		(đến 50 nghìn tấn/năm)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
III ĐÁ GRANIT ÔP LÁT										
1	Chư Phốt	Xã EaSol - H. Ea Hleo	X: 1.472.884; Y: 475.706 X: 1.472.884; Y: 476.006 X: 1.471.994; Y: 476.006 X: 1.471.994; Y: 476.556 X: 1.471.694; Y: 476.556 X: 1.471.694; Y: 475.706	Chưa xác định	TD 51 ha				C/ ty cổ phần Sông Đà Ban Mê	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
2	Chư Phốt	Xã EaSol - H. Ea Hleo	X: 1471000 - 1473000 Y: 0204000 - 0206000	Chưa xác định	35,4 ha				Lâm trường EaHLeon thăm dò	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
3	Chư Phốt	Xã EaSol - H. Ea Hleo	X: 1475150; Y: 204563 X: 1475150; Y: 205418 X: 1474550; Y: 205639 X: 1474550; Y: 204932	Chưa xác định	46,9 ha				Công ty CP xây dựng Trung Nam	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
4	Buôn Rơ kai B	Xã Krông Nô - H. Lăk	X: 1350725; Y: 188450 X: 1351195; Y: 189425 X: 1350725; Y: 190170 X: 1350280; Y: 190170 X: 1350280; Y: 188450		117 ha					Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
5	Thôn 6	Xã Hòa Sơn huyện Krông Bông	X: 1.380.915; Y: 479.489 X: 1.380.976; Y: 479.659 X: 1.380.876; Y: 479.789 X: 1.380.816; Y: 479.894	Chưa xác định	15 ha		15 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		Doanh nghiệp tư nhân Trung Văn	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
6	Buôn Ngô B	Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	X: 1384756; Y: 494444 X: 1384567; Y: 494563 X: 1384497; Y: 494785 X: 1384571; Y: 494928 X: 1384648; Y: 494934 X: 1384901; Y: 494860 X: 1384848; Y: 494603	Chưa xác định	14 ha		14 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
7	Đồi Chư Phốt	Xã EaSol – H. Ea Hleo	Gồm 12 điểm khép góc X: 1.473.585 - 1472880 Y: 475144 - 475105	Chưa xác định	70,55 ha		70,55 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
	Đồi Chư Phốt	Buôn Ta Ly xã EaSol – H. Ea Hleo	X: 1473.023 - 1472.693 Y: 476.295 - 476.393	Chưa xác định	6,16 ha		6,16 ha (10 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
	Chư P'hot	Xã EaSol – H. Ea H'leo	X: 1.473.600; Y: 205.550 X: 1.473.600; Y: 205.650 X: 1.472.750; Y: 205.850 X: 1.472.750; Y: 205.400	Chưa xác định	51 ha		51 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012

			X: 1.472.450; Y: 205.550							
	Chư P'hot	Xã EaSol – H. Ea H'leo (Hệ tọa độ VN 2000 múi 6)	X: 1.475.485; Y: 203.539 X: 1.475.476; Y: 204.409; X: 1.474.770; Y: 204.765 X: 1.474.772; Y: 203.532	Chưa xác định	74,65 ha		74,65 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
8	Ea Trul và Yang Reh	Xã Ea Trul và xã Yang Reh huyện Krông Bông	X: 1380791 – 1379515 Y: 468976- 470663	Chưa xác định	42,4 ha		42,4 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
9	EaSol	Xã EaSol – H. Ea Hleo	X: 1.472.000; Y: 203.000 X: 1.472.000; Y: 204.000 X: 1.471.000; Y: 204.000 X: 1.471.000; Y: 203.000	Chưa xác định		100 ha		100 ha (10-20 nghìn m ³ /n)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
10	EaPin	Xã EaPin – H. MDrăk	X: 1.420.000; Y: 242.000 X: 1.420.000; Y: 243.000 X: 1.419.000; Y: 243.500 X: 1.419.000; Y: 242.000	Chưa xác định		150 ha		150 ha (10-20 nghìn m ³ /n)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
11	Buôn Dang	xã E 'Hleo – H. Ea H'leo	X: 1.480.020; Y: 195.278 X: 1.480.417; Y: 195.822 X: 1.479.810; Y: 196.224 X: 1.479.500; Y: 1.95.675	Chưa xác định	46 ha		46 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
	Thôn 2	xã E 'Hleo – H. Ea H'leo	X: 1.479.800; Y: 189.510 X: 1.479.600; Y: 190.010 X: 1.478.550; Y: 190.010 X: 1.478.550; Y: 189.510	Chưa xác định	60 ha		60 ha (10-20 nghìn m ³ /n)			Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
12	Buôn Rơ Kai B	Xã Krông Nô - H. Lăk	X: 1.349.856; Y: 462.273 X: 1.348.904; Y: 462.970 X: 1.349.944; Y: 464.291 X: 1.350.895; Y: 463.982	Chưa xác định	200 ha		200 ha (10-20 nghìn m ³ /n)		-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
13	Buôn Tleh	Xã CưKlông – H. Krông Năng	X: 1.446.000; Y: 219.000 X: 1.460.000; Y: 220.000 X: 1.445.000; Y: 220.000 X: 1.445.000; Y: 219.000	Chưa xác định		100 ha		100 ha (50 nghìn m ³ /n)	-	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012

2. DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH CÁC MỎ KHOÁNG SẢN DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHUNG CẢ NƯỚC

TT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí địa lý	Tọa độ	Trữ lượng mỏ (triệu tấn)	Mức độ điều tra, thăm dò	Ghi chú
I	CAO LANH					
1	EakNop	TT EakNop, H. EaKar	Kinh độ: 108°34'04'' Vĩ độ: 12°48'20''	C ₁ + C ₂ : 3	Đoàn 704 thăm dò	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008

2	Mỏ Km 64 – 68	H. M’ Drăk	-	P: 30	Đoàn 704 khảo sát sơ bộ	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
3	M’ Drăk	H. M’ Drăk	Kinh độ: 108 ⁰ 46’40’’ Vĩ độ: 12 ⁰ 44’20’’	P: 3,9	LĐ ĐC 6 tìm kiếm năm 1986	Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008
II	ĐÁ GRANIT ỚP LÁT					
1	Đá hoa Tây nam đỉnh Chư Kon	Xã EaSo - H. EaKar	Kinh độ: 108 ⁰ 33’30’’ Vĩ độ: 12 ⁰ 458’10’’;	Điểm khoáng sản	Điều tra trong quá trình lập BĐ ĐCKS tỷ lệ 1: 50.000	Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
2	EaHok	Xã Ea Hleo - H. Ea Hleo	X: 1479000; Y: 0189000	10 km ²	Một phần diện tích quy hoạch thăm dò	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
3	Buôn Hiao	Xã EaHiao - H. EaHleo	X: 1459000; Y: 0216000	30 km ²	Một phần diện tích quy hoạch thăm dò	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
4	Chư Ya Trang	Xã Yang Tao - H. Lăk	X: 1379000; Y: 0196000	20 km ²	Một phần diện tích quy hoạch thăm dò	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
5	Km 75 - QL 26	Xã EaPil - H. MĐrăk	X: 1417000; Y: 0240000	15 km ²	Một phần diện tích quy hoạch thăm dò	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
6	Km 73 - QL 26	Xã Ea Tih - H. EaKar	X: 1415000; Y: 0240000	15 km ²	Một phần diện tích quy hoạch thăm dò	Bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012